

Số: /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Sửa chữa, nâng cấp hồ Bông Hôi xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Văn bản số 5052/UBND-THKH ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình quyết định chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công do tỉnh quản lý;

Căn cứ Văn bản số 2469/SKHĐT-TH ngày 08/5/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn một số nội dung về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương, điều chỉnh chủ trương đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 16837/UBND-KTTC ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện rà soát, đánh giá kế hoạch đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình hồ đập, đề địa phương sử dụng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế 2022-2025;

UBND huyện Triệu Sơn Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Sửa chữa, nâng cấp hồ Bông Hôi, xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn, với những nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

- 1. Tên dự án:** Sửa chữa, nâng cấp hồ Bông Hôi, xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn.
- 2. Dự án nhóm:** C.
- 3. Cấp quyết định đầu tư dự án:** UBND tỉnh Thanh Hóa.
- 4. Tên chủ đầu tư:** UBND huyện Triệu Sơn.
- 5. Địa điểm thực hiện dự án:** Xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn.
- 6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:** 9.000.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Chín tỷ đồng chẵn)

7. Nguồn vốn: Từ nguồn kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2021-2022.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư

1.1. Đánh giá hiện trạng và sự cần thiết đầu tư:

Thọ Bình là xã thuộc vùng dân tộc và miền núi đặc biệt khó khăn của huyện Triệu Sơn. Phía Đông giáp xã Hợp Lý, Hợp Tiến; phía Tây giáp xã Bình Sơn; phía Nam giáp xã Cán Khê của huyện Như Thanh; phía Bắc giáp xã Thọ Sơn, Thọ Tiến. Xã Thọ Bình có 3 dân tộc anh em cùng sinh sống: Kinh, Thái, Mường, phong tục tập quán của người dân địa phương theo hương ước của làng, ngành nghề chủ yếu của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp (cây lúa, hoa màu và các loại cây ăn quả...). Đời sống nhân dân trong xã còn nhiều khó khăn, số hộ nghèo vẫn còn nhiều.

Hồ Bông Hôi đảm nhận tưới cho khoảng 25 ha đất sản xuất nông nghiệp. Hiện trạng đập là đập đất, dài khoảng 110m, bề rộng mặt đập $B = (2,0 \div 4,0)$ m, mái đập $m = (1 \div 1,50)$ chưa được gia cố; một số vị trí cục bộ mái đập đã bị sạt lở, trượt sâu vào thân đập; lòng hồ bị bồi lắng, bồi đắp do rất nhiều năm chưa được nạo vét nên khả năng tích nước của hồ giảm đi rất nhiều. Tràn xả lũ là tràn đất chưa được gia cố, chảy tràn tự do nên bị xói lở bề mặt và lòng hai bên vai tràn, phần hạ lưu tràn chưa được gia cố nên một số vị trí đã bị xói lở, sạt trượt. Cống đã bị hư hỏng, miệng cống ngập sâu dưới bùn, hai bên mang cống bị lòng mang, thủng đáy, sụt lún về lâu dài gây mất ổn định cho đập, nhà vận hành cống chưa có nên rất khó khăn cho việc vận hành khi cần lấy nước. Kênh tưới (gồm kênh chính và kênh nhánh) phần lớn là kênh đất, hiện tại bị sạt lở một số vị trí cục bộ gây thất thoát nước, lòng kênh mọc nhiều cỏ dại và cây thủy sinh cản trở dòng chảy, ảnh hưởng đến khả năng cung cấp nước tưới cho diện tích hồ đảm nhận.

1.2. Sự cần thiết đầu tư dự án:

Hiện nay, tình hình biến đổi khí hậu ngày càng trở nên phức tạp. Các trận lũ diễn ra thường xuyên với mật độ và quy mô lớn hơn nhiều. Do đập hiện tại là đập đất, nhỏ, mái dốc, một số vị trí bị sạt trượt nên nguy cơ vỡ đập trong mùa mưa bão cao. Mặt khác lòng hồ đã bị bồi lắng do dòng chảy đến có chứa nhiều phù sa, tạp chất lơ lửng làm giảm dung tích tích nước của hồ. Hệ thống kênh tưới bị bồi lắng, đứt gãy nhiều đoạn, lòng kênh mọc nhiều cỏ dại, cây thủy sinh phát triển gây cản trở dòng chảy. Mặt khác nhân dân trong xã chủ yếu sinh sống dựa vào sản xuất nông nghiệp nên khó khăn về nước tưới làm năng suất cây trồng giảm, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của nhân dân địa phương.

Để đảm bảo cung cấp nước tưới chủ động cho 25 ha đất sản xuất nông nghiệp, đồng thời ổn định đập; an toàn về tính mạng và tài sản của nhân dân

trong khu vực dự án thì việc đầu tư xây dựng dự án: Sửa chữa, nâng cấp hồ Bông Hôi, xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn là rất cần thiết và phù hợp.

1.3. Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

- Phù hợp với Quy hoạch tổng thể thủy lợi tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 17/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương giai đoạn 2021- 2025.

- Phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân trong vùng, góp phần ổn định tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh trật tự xã hội của địa phương.

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư

a. Mục tiêu: Đảm bảo cung cấp nước tưới chủ động cho 25 ha diện tích lúa và cây hoa màu; nâng cao năng suất, cải thiện đời sống của nhân dân địa phương, góp phần ổn định tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa và an ninh trật tự xã hội.

b. Phạm vi đầu tư: Cải tạo, nâng cấp đập, tràn xả lũ, cống lấy nước, kênh tưới, nạo vét lòng hồ và đường quản lý vận hành kết hợp dân sinh.

c. Quy mô dự án: Bao gồm cá hạng mục đập, tràn xả lũ, cống lấy nước, kênh tưới, nạo vét lòng hồ, đường quản lý vận hành kết hợp dân sinh; kết cấu các hạng mục, cụ thể như sau:

- Đập đất: Trên cơ sở mặt hiện trạng đập tôn cao hoặc áp trực bằng đất lu lèn chặt đảm bảo yêu cầu kỹ thuật $K \geq 0,95$ đảm bảo bề rộng mặt đê thiết kế; mái thượng lưu đập được gia cố bằng tấm cấu kiện bê tông đúc sẵn (40x40x12)cm trong hệ khung dầm (dầm chân, dầm đỉnh và dầm dọc kè) chia ô bằng BTCT M250, đá 1x2cm; bên dưới lót đá dăm (1x2)cm dày 10cm; mặt đập được gia cố bằng BTT M250 trên lớp ni lon tái sinh và lớp cấp phối đá dăm loại 2.

- Tràn xả lũ: Làm mới tràn thay thế tràn bằng đất bị hư hỏng, ngưỡng tràn có mặt cắt thực dụng chảy tự do, lõi bằng bê tông thường M200 mặt ngoài bọc BTCT M250. Tường tràn, dốc nước, bể tiêu năng bằng BTCT M250; chân tường bên dốc nước, bể tiêu năng, bản đáy đoạn cuối dốc và đáy bể tiêu năng bố trí lỗ thoát nước giảm áp; kín nước khớp nối giữa các đơn nguyên thân tràn, dốc nước, bể tiêu năng bằng băng cản nước PVC;

- Cống lấy nước: Làm cống mới thay thế cống cũ bị hư hỏng; hình thức cống ngầm chảy có áp. Thân cống bằng ống thép $\Phi 300$ mm (thép CT38 hoặc tương đương trở lên) được bọc ngoài bằng BTCT M250; phía ngoài lớp BTCT là lớp đất sét luyện dày 50 cm; cửa vào cống bố trí khe phai sửa chữa và lắp lưới chắn rác; điều tiết cống bằng van chặn được lắp đặt trong nhà van phía hạ lưu, tường xây bao bằng gạch xây M75 trát vữa xi măng M75, trần nhà bằng BTCT M250;

- Kênh tưới: Kiên cố hóa kênh bằng BTT M200, kích thước dự kiến BxH = (40x50)cm, dưới lót 01 lớp ni lon tái sinh; cứ 10m cắt 01 khe lún bằng giấy dầu tấm nhựa đường; đất đắp hoàn thiện đảm bảo độ chặt yêu cầu $K \geq 0,90$;

- Đường quản lý vận hành kết hợp dân sinh: Gia cố mặt đường bằng BTT M250, trên lớp ni lon tái sinh và lớp cấp phối đá dăm loại 2; dọc theo chiều dài đường cứ 7,5m cắt 01 khe lún; đất đắp hoàn thiện đảm bảo độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$;

- Nạo vét lòng hồ: Hiện tại lòng hồ đã bị bồi lắng làm giảm khả năng tích nước để tưới cho diện tích đảm nhiệm; để giảm quy mô công trình và tăng khả năng tích nước của hồ cần nạo vét lòng hồ xuống dự kiến sâu 1,50m từ mặt đáy hồ hiện tại.

d. Địa điểm xây dựng: Xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn để thực hiện dự án

a. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 9.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín tỷ đồng*). Trong đó:

Chi phí xây dựng	7.200.000.000	đồng
Chi phí QLDA	213.578.182	đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	815.955.273	đồng
Chi phí khác	140.927.500	đồng
Chi phí đền bù GPMB	200.000.000	đồng
Chi phí dự phòng	429.551.503	đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

b. Nguồn vốn đầu tư và khả năng cân đối vốn: Từ nguồn kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

4. Dự kiến tiến độ thực hiện đầu tư: Năm 2021- 2022.

5. Xác định chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành sau khi dự án hoàn thành

- Chi phí liên quan trong quá trình thực hiện: Không.

- Chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành: Theo chi phí quản lý thường xuyên hàng năm của đơn vị được giao.

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội.

6.1. Đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội:

Dự án: Sửa chữa, nâng cấp hồ Bông Hôi, xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn thực hiện trên cơ sở tuyến hiện có nên tác động tới môi trường tự nhiên là rất ít. Trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng, các vấn đề như khói, bụi, nước

thải... sẽ ảnh hưởng tới môi trường trong thời gian nhất định nhưng không ảnh hưởng đến hệ sinh thái, cụ thể:

a. Môi trường không khí:

- Bụi: Việc đầu tư xây dựng, nâng cấp sẽ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh trong quá trình thi công;

- Khí: Ô nhiễm môi trường không khí do các tác động trong khi vận hành các phương tiện, máy móc xây dựng thải ra khí CO, CO₂, NO₂, SO₂ và bụi. Lượng khí thải và bụi phụ thuộc vào các loại xe, máy móc hoạt động trong khu vực...

- Tiếng ồn: Ô nhiễm tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện cơ giới, máy xây dựng, từ các phương tiện giao thông vận tải chuyên chở ảnh hưởng tới dân cư. Độ ồn phụ thuộc vào loại xe, máy móc và tình trạng kỹ thuật của chúng;

- Các giải pháp bảo vệ, giảm nhẹ tác động của môi trường: Để giảm lượng bụi, khí và tiếng ồn trong khu vực khi tiến khai các dự án theo quy hoạch chi tiết được duyệt, cụ thể thực hiện bằng giải pháp sau:

+ Sử dụng xe, máy thi công có lượng thải khí, bụi và độ ồn thấp hơn giới hạn cho phép. Bảo dưỡng và kiểm tra định kỳ xe cộ. Không tiến hành hoặc hạn chế các hoạt động thi công vào các khoảng thời gian từ 0h-:-6h và 12h-:-13h.

+ Có biện pháp che chắn phủ bạt đối với các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu, nhiên liệu, che chắn cách ly giữa khu vực phá dỡ, đục bỏ đối với khu vực xung quanh bằng các hàng rào bạt.

+ Sử dụng nhà bao che trong quá trình thi công, vệ sinh các cấu kiện đá.

b. Môi trường nước:

Nước thải trong quá trình thi công sẽ được thu gom vào các xe chuyên dụng. Sau đó chở đi đổ tại các điểm tập kết rác theo đủ quy định.

6.2. Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội.

Dự án được xây dựng nhằm đảm bảo cung cấp nước tưới chủ động cho 25 ha đất sản xuất nông nghiệp. Đảm bảo an toàn về tính mạng và tài sản của người dân trong vùng dự án. Tạo điều kiện để nhân dân yên tâm sản xuất, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của người dân. Góp phần ổn định tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa và trật tự an ninh xã hội trong vùng nói riêng và huyện Triệu Sơn nói chung.

7. Phân chia các dự án thành phần: Dự án không chia thành nhiều phần. Toàn bộ dự án đầu tư xây dựng công trình giao UBND huyện Triệu Sơn làm Chủ đầu tư.

8. Các giải pháp tổ chức thực hiện

a. Hình thức quản lý thực hiện:

- Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Sơn;

- Hình thức đầu tư: Xây dựng mới;

- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

b. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ đầu tư:

- Trách nhiệm của Chủ đầu tư:
 - + Đầu tư xây dựng theo nội dung dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt;
 - + Phối hợp với các cơ quan chức năng để thống nhất quản lý xây dựng theo đúng quy định của pháp luật;
 - + Sau khi đưa vào sử dụng có phương án quản lý hiệu quả, tiết kiệm.
- Quyền hạn của Chủ đầu tư:
 - + Được khiếu nại tố cáo khi bị người khác xâm phạm quyền quản lý dự án khi đang triển khai và sau khi đưa vào sử dụng;
 - + Có quyền yêu cầu các Chủ đầu tư khác thực hiện đảm bảo tiến độ của dự án, yêu cầu đình chỉ khi các nhà đầu tư khác làm sai quy định của pháp luật;
 - + Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

9. Kết luận và kiến nghị

Qua phân tích đánh giá nêu trên, việc đầu tư xây dựng dự án: Sửa chữa, nâng cấp hồ Bông Hôi, xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn là hết sức cần thiết và cấp bách nhằm đảm bảo cung cấp nước tưới chủ động cho 25 ha đất sản xuất nông nghiệp. Tạo điều kiện để nhân dân yên tâm sản xuất, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của người dân. Góp phần ổn định tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa và trật tự an ninh xã hội trong vùng nói riêng và huyện Triệu Sơn nói chung.

UBND huyện Triệu Sơn báo cáo UBND tỉnh và các sở ngành liên quan xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (để thẩm định);
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Phú Quốc

PHỤ LỤC TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG**Công trình: Sửa chữa, nâng cấp hồ Bông Hôi xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn***(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /11 /2021 của UBND huyện Triệu Sơn)**ĐVT: đồng*

TT	Nội dung chi phí	Tỷ lệ	Giá trị	Thuế	Giá trị
		chi khác	trước thuế	VAT	sau thuế
I	Chi phí xây dựng		6.545.454.545	654.545.455	7.200.000.000
1	Công trình đầu mối (đập, tràn, cống, nạo vét)		4.727.272.727	472.727.273	5.200.000.000
2	Kênh và công trình trên kênh		1.363.636.364	136.363.636	1.500.000.000
3	Đường thi công kết hợp quản lý vận hành		454.545.455	45.454.545	500.000.000
II	Chi phí quản lý dự án	3,2630%	213.578.182		213.578.182
III	Chi phí tư vấn đầu tư XD		742.432.066	73.523.207	815.955.273
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất		232.727.273	23.272.727	256.000.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3,000%	6.981.818	698.182	7.680.000
3	Chi phí lập báo cáo KTKT	3,917%	256.388.430	25.638.843	282.027.273
4	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT	0,3610%	23.629.091	2.362.909	25.992.000
5	Chi phí giám sát TCXD	2,5980%	170.050.909	17.005.091	187.056.000
6	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	0,05%	3.600.000		3.600.000
7	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%	3.600.000		3.600.000
8	Chi phí lập Kế hoạch bảo vệ môi trường	Tạm tính	45.454.545	4.545.455	50.000.000
IV	Chi phí khác		134.120.227	6.807.273	140.927.500
1	Phí thẩm định TKBVTC	0,121%	10.890.000		10.890.000
2	Phí thẩm định dự toán XD	0,117%	10.530.000		10.530.000
3	Chi phí bảo hiểm công trình	1,04%	68.072.727	6.807.273	74.880.000
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình	0,385%	34.627.500		34.627.500
5	Chi phí kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước	TT	10.000.000		10.000.000
V	Chi phí đền bù GPMB	TT	200.000.000		200.000.000
VI	Dự phòng	5%			429.551.503
	Tổng cộng				9.000.000.000

(Bảng chữ: Chín tỷ đồng chẵn)